

TTĐT (2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2016

|                                  |                          |
|----------------------------------|--------------------------|
| CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ |                          |
| ĐẾN                              | Giờ: .....C.....         |
|                                  | Ngày: .....08/01/16..... |

## NGHỊ ĐỊNH

### Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết, biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ về: Tổ chức tự vệ trong doanh nghiệp; số lượng Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã; nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế phối hợp hoạt động của Ban chỉ huy quân sự Bộ, ngành Trung ương; con dấu của Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, Ban chỉ huy quân sự Bộ, ngành Trung ương; nguồn kinh phí; cấp xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh; điều kiện thành lập Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở; phân cấp quản lý Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, đơn vị dân quân tự vệ; chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ; hỗ trợ phương tiện, kinh phí đi lại cho dân quân tự vệ khi thực hiện nhiệm vụ.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công dân Việt Nam, cơ quan của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Việt Nam.

2. Cá nhân, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cư trú và hoạt động tại Việt Nam liên quan đến dân quân tự vệ. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

**Điều 3. Quyết định công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ; quyết định công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ; giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ của dân quân tự vệ**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ và quyết định công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở hoặc Chỉ huy trưởng đơn vị tự vệ cơ quan, tổ chức nơi không có Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở.

2. Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện) cấp giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ của dân quân tự vệ.

3. Mẫu quyết định công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ; quyết định công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ; giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ của dân quân tự vệ quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

**Điều 4. Điều kiện tổ chức tự vệ trong doanh nghiệp**

1. Doanh nghiệp tổ chức tự vệ khi có đủ các điều kiện sau:

a) Đảm bảo sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và sự chỉ huy của cơ quan quân sự địa phương các cấp;

b) Đã hoạt động từ đủ 12 tháng trở lên;

c) Có số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên và hợp đồng lao động không thời hạn: Trong độ tuổi, đủ tiêu chuẩn thực hiện nghĩa vụ tham gia tự vệ theo quy định của Luật Dân quân tự vệ để tổ chức từ 01 tiểu đội tự vệ trở lên;

d) Phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, kế hoạch tổ chức lực lượng dân quân tự vệ của địa phương.

2. Đối với doanh nghiệp chưa tổ chức tự vệ thì phải tổ chức cho người lao động thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân ở cơ sở:

a) Người quản lý doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp danh sách người lao động trong độ tuổi nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ của doanh nghiệp có hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên, hợp đồng lao động không thời hạn cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp có trụ sở chính hoặc hoạt động;

b) Người quản lý doanh nghiệp phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tuyển người lao động quy định tại Điểm a Khoản này vào lực lượng dân quân;

c) Người quản lý doanh nghiệp bảo đảm chế độ cho người lao động tham gia dân quân sinh hoạt, huấn luyện, hoạt động theo quy định của pháp luật.

## **Điều 5. Trình tự, thủ tục thành lập đơn vị tự vệ trong doanh nghiệp**

### **1. Hồ sơ**

- a) Văn bản đề nghị thành lập đơn vị tự vệ của người quản lý doanh nghiệp;
- b) Kế hoạch xây dựng lực lượng tự vệ của doanh nghiệp;
- c) Danh sách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia tổ chức tự vệ của doanh nghiệp;
- d) Văn bản của cơ quan chức năng thẩm định việc thành lập tự vệ của doanh nghiệp.

### **2. Trình tự, thời hạn thực hiện**

a) Đối với các doanh nghiệp không thuộc Quân đội quản lý có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm c Khoản 1 Điều này gửi đến cơ quan chức năng của cấp có thẩm quyền thành lập đơn vị dân quân tự vệ quy định tại Điều 28 Luật Dân quân tự vệ. Cơ quan chức năng phối hợp với doanh nghiệp khảo sát, dự kiến kế hoạch tổ chức tự vệ và ban hành văn bản thẩm định về việc tổ chức tự vệ tại doanh nghiệp trình người có thẩm quyền quyết định.

Đối với doanh nghiệp thuộc Quân đội quản lý có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm c Khoản 1 Điều này trình người chỉ huy có thẩm quyền thành lập đơn vị tự vệ quy định tại Điều 6 Nghị định này;

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, tính từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì cơ quan của cấp có thẩm quyền thành lập đơn vị dân quân tự vệ quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định này phải có văn bản hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chức năng của cấp có thẩm quyền thành lập đơn vị dân quân tự vệ quy định tại Khoản 1 Điều 6 (đối với doanh nghiệp không thuộc Quân đội quản lý) hoặc cơ quan của cấp có thẩm quyền thành lập đơn vị dân quân tự vệ quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định này (đối với doanh nghiệp thuộc Quân đội quản lý) có trách nhiệm lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, tổng hợp, thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định này và trình người có thẩm quyền ra quyết định thành lập đơn vị tự vệ. Trường hợp người có thẩm quyền thành lập đơn vị tự vệ không đồng ý thì có văn bản thông báo cho doanh nghiệp và các cơ quan liên quan biết lý do.

## **Điều 6. Thẩm quyền thành lập, giải thể đơn vị tự vệ trong doanh nghiệp**

1. Đối với đơn vị tự vệ trong doanh nghiệp không thuộc Quân đội quản lý: Thẩm quyền thành lập, giải thể theo quy định tại Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm đ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 28 Luật Dân quân tự vệ.

2. Đối với đơn vị tự vệ trong doanh nghiệp thuộc Quân đội quản lý:

a) Chủ nhiệm tổng cục, Tư lệnh quân khu, quân chủng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, binh chủng, quân đoàn, binh đoàn quyết định thành lập tiểu đoàn, hải đoàn tự vệ ở doanh nghiệp thuộc quyền;

b) Giám đốc viện, học viện, Hiệu trưởng nhà trường thuộc Bộ Quốc phòng, Tổng giám đốc tập đoàn, tổng công ty quyết định thành lập: Đại đội tự vệ, hải đội tự vệ; trung đội tự vệ phòng không, pháo binh ở doanh nghiệp thuộc quyền;

c) Giám đốc công ty, Hiệu trưởng nhà trường thuộc tổng cục, quân khu, quân chủng, binh chủng, quân đoàn quyết định thành lập trung đội, tiểu đội, khẩu đội tự vệ ở doanh nghiệp thuộc quyền;

d) Cấp có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị tự vệ thì có quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm chỉ huy đơn vị tự vệ và giải thể đơn vị tự vệ.

## **Điều 7. Điều kiện thành lập Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở**

Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở được thành lập khi có đủ các điều kiện sau:

1. Có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

2. Có sự quản lý nhà nước về quốc phòng, quân sự.

3. Có tổ chức tự vệ, lực lượng dự bị động viên và nguồn sẵn sàng nhập ngũ.

## **Điều 8. Xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng, an ninh**

1. Cấp xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh là cấp xã biên giới, hải đảo, ven biển, an toàn khu (ATK), cấp xã có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh hoặc cấp xã có tình hình an ninh, chính trị thường xuyên diễn biến phức tạp.

2. Việc xác định cấp xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) đề nghị Tư lệnh quân khu, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.

3. Hằng năm, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, đề nghị điều chỉnh, bổ sung cấp xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh cho phù hợp.

### **Điều 9. Số lượng Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã**

1. Đơn vị hành chính cấp xã loại 1, loại 2 theo quy định tại Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn và cấp xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh được bố trí 02 Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

2. Đơn vị hành chính cấp xã loại 3 bố trí 01 Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự.

### **Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban chỉ huy quân sự Bộ, ngành Trung ương**

1. Tham mưu cho Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, cấp ủy Đảng, người đứng đầu Bộ, ngành Trung ương ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý về công tác quốc phòng, quân sự từ Trung ương đến địa phương, cơ sở; kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh và thẩm định các quy hoạch, kế hoạch và dự án phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến quốc phòng, an ninh thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp thường xuyên với cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, quân khu, cơ quan quân sự địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, thực hiện các nhiệm vụ:

- a) Công tác dân quân tự vệ;
- b) Giáo dục quốc phòng và an ninh;
- c) Động viên quốc phòng, động viên quân đội, động viên công nghiệp, phòng thủ dân sự có liên quan;
- d) Tham gia xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện; phối hợp chỉ đạo việc xây dựng, hoạt động của khu vực phòng thủ; diễn tập khu vực phòng thủ, chiến đấu phòng thủ ở cấp xã, phòng thủ dân sự có liên quan;
- đ) Công tác thi đua khen thưởng, chính sách hậu phương quân đội, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng;
- e) Tham mưu bảo đảm ngân sách, kinh phí, chế độ, chính sách cho công tác quốc phòng, quân sự;
- g) Kiểm tra, sơ kết, tổng kết, báo cáo;
- h) Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.